

Biểu mẫu 10

**UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG THCS TRẦN VĂN QUANG**

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục
Cả năm - Năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1442	260	314	290	278
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1010	219	266	255	270
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	131	41	48	34	8
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1			1	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	/				
II	Số học sinh chia theo học lực	1141	260	314	290	277
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	436	98	108	124	106
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	367	71	105	89	102
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	268	64	71	65	69
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	64	23	29	11	1
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	6	4	1	1	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1072	233	284	278	277
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	436	98	108	124	106
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	367	71	105	89	102
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	64	23	29	11	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	6	4	1	1	1
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	97.86	96.65	97.82	98.31	98.58
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	/				

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	2.19	3.46	2.23	1.72	1.44
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp Quận/huyện	2	1	1		
2	Cấp tỉnh/thành phố	21		16		5
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	/				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	278				278
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	277				277
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	106				106
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	102				102
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	69				69
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	589/ 553	130/ 130	166/ 148	146/ 144	147/ 131
VIII	Số học sinh dân tộc thiểu số	68	13	19	23	13

Tân Bình, ngày 31 tháng 05 năm 2021



HIỆU TRƯỞNG

Lưu Thị Kim Thủy